

Bản án số: **69/2019/HSST**

Ngày: 06/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hà Thị Tám**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lò Thị Đình**

2. Bà **Cao Thị Hồng Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Quàng Thị Thu** - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thắm** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2019/TLST - HS, ngày 16 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71 /2019/QĐXXST- HS ngày 23 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn C**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 08/9/1994 tại Điện Biên;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản N, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Không;

Trình độ văn hóa: 9/12 phổ thông;

Con ông Cà Văn Hướng và con bà Lò Thị Thái;

Bị cáo có 02 chị em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình;

Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/7/2019 cho đến nay tại Nhà tạm giữ C an thành phố Đ, tỉnh Đ cho đến ngày xét xử bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Người bị hại:** Ông **Hoàng Trọng Ng**; Địa chỉ: Số nhà 125, tổ dân phố 12, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ (**Vắng mặt**);

* **Người làm chứng:**

1. Ông **Trần Phúc V**; địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ (**Vắng mặt**);

2. Ông **Hoàng Văn Q**; Địa chỉ: Số nhà 125, tổ dân phố 12, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ (*Vắng mặt*);

3. Ông **Nguyễn Văn H**; Địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ (*Vắng mặt*);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 29/7/2019, Lò Văn C đi bộ một mình đến khu vực tổ dân phố 12, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ, khi đi qua số nhà 125, C nhìn thấy một chiếc xe đạp địa hình, nhãn hiệu GLX, màu đỏ đen, kèm 01 bình đựng nước, có tổng giá trị 6.400.000 đồng của anh Hoàng Trọng Ng dựng trên hành lang đường, trước cửa nhà, đầu xe hướng vào nhà. Quan sát xung quanh không thấy có người, C nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe. C đi đến lén lút dắt xe xuống đường, rồi C đạp đi về hướng trường Tiểu học Noong Bua. Đi được khoảng 10 mét thì ông Hoàng Văn Q (bố anh Ng) phát hiện và hô “dừng lại, dừng lại” C nghe thấy nhưng vẫn tiếp tục đạp xe đến khu vực cổng Khe Chít thuộc tổ dân phố 03, phường N thì bị anh Trần Phúc V điều khiển xe mô tô chở ông Q đuổi kịp. C để xe đạp ở đường giáp cầu bê tông rồi bỏ chạy trốn đến khu vực tổ dân phố 01, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ thì bị C an phường cùng anh H, anh V, anh Ng đuổi bắt giữ cùng tang vật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 29/7/2019, tổ dân phố 12, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ, Lò Văn C đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của anh Hoàng Trọng Ng một xe đạp địa hình có giá trị là 6.400.000 đồng.

2. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số 76/CT - VKSNDTPĐBP ngày 16/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Đ để xét xử bị cáo Lò Văn C về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn C *từ 09 đến 12 tháng tù*. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố là đúng, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn những người bị hại thừa nhận đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, thừa nhận viện kiểm sát truy tố là đúng người đúng tội không oan sai, bị cáo không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 29/7/2019, tại tổ dân phố 12, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ, Lò Văn C đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của anh Hoàng Trọng Ng một xe đạp địa hình có giá trị là 6.400.000 đồng

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Lò Văn C là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn trên địa bàn thành phố Đ. Hành vi trên và giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp đã phạm vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp; Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

Qua phân xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa thể hiện nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo Lò Văn C phạm tội là do thiếu ý thức rèn luyện bản thân, tu dưỡng phẩm chất đạo đức và thiếu ý thức trong việc chấp hành các quy định của pháp luật; nhận thức đ-ợc việc làm của mình là vi phạm pháp luật hình sự, nh-ng do bị cáo nghiện ma túy và lười lao động để nhanh chóng có tiền phục vụ nhu cầu của bản thân bị cáo đã lao

vào con đường phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và biết ăn năn hối cải về hành vi của mình đã gây ra. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện lao động, học tập, cải tạo sửa chữa lỗi lầm, đồng thời cũng là điều kiện để bị cáo từ bỏ được ma túy sớm trở lại hòa nhập với cộng đồng và xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy không nghề nghiệp, không có thu nhập bị cáo không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành. HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan cảnh sát điều tra C an thành phố Đ đã trả lại tài sản cho người bị hại, người bị hại đã nhận được đầy đủ tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

[5] Về án phí: Bị cáo Lò Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra C an thành phố Đ, tỉnh Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lò Văn C** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:
Xử phạt bị cáo Lò Văn C 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (30/7/2019).
3. Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập giải quyết.
4. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/10/2019), người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND TP ĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- CQCSĐT CATP ĐBP;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- HS Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Tám